

Số: 130/2022/QĐST-HNGĐ

Bá Thước, ngày 13 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 136/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Lương Thị M, sinh năm: 1990

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Hà Văn H, sinh năm: 1987

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lương Thị M và anh Hà Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Chị Lương Thị M và anh Hà Văn H thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Lương Thị M và anh Hà Văn H có 01 con chung là Hà Anh V, sinh ngày 10/4/2011. Ly hôn các đương sự thống nhất giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, chị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Lương Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản và công nợ:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 4 điều 147-BLTTDS năm 2015, khoản 6 Điều 19; Điểm a, khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự thỏa thuận chị Lương Thị M chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm

là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: AA/2021/0008691 ngày 24/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Chị Lương Thị M được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Nga